BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT NAM – CU BA ĐỒNG HỚI

Số: 3909/QĐ-BVCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 09 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm phục vụ chương trình kết hợp Quân dân y chăm sóc sức khoẻ nhân dân năm 2026 bằng nguồn ngân sách Nhà nước

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT NAM – CU BA ĐỒNG HỚI

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-BYT ngày 23/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Bệnh viện quy định tại Quy chế Bệnh viện - Ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/7/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế về việc quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Nghị định số 118/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ về công tác kết hợp quân dân y;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình kết hợp quân dân y chăm sóc sức khỏe nhân dân đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 706/QĐ-BYT ngày 20/3/2026 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt Kế hoạch hoạt động quân dân y năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3652/QĐ-BVCB ngày 25 /9/2026 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới về việc phê duyệt danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật cơ bản gói thầu mua sắm phục vụ chương trình kết hợp Quân dân y chăm sóc sức khoẻ nhân dân năm 2026 bằng nguồn ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Tổ xây dựng dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại tờ trình số 01/TTr-TXDKH ngày 07/10/2026 về việc phê duyệt dự toán mua sắm

và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm phục vụ chương trình kết hợp Quân dân y chăm sóc sức khoẻ nhân dân năm 2026 bằng nguồn ngân sách Nhà nước;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm phục vụ chương trình kết hợp Quân dân y chăm sóc sức khoẻ nhân dân năm 2026 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng phòng TCKT, khoa Dược, tổ xây dựng dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, các khoa, phòng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT NAM-CU... ĐỒNG HỚI

Nguyễn Đức Cường

Phụ lục I

DỰ TOÁN MUA SẮM VÀ KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU MUA MUA SẮM PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH KẾT HỢP QUÂN DÂN Y CHĂM SÓC SỨC KHOẺ NHÂN DÂN NĂM 2026 BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 3909/QĐ-BVCB ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới	Mua sắm phục vụ chương trình kết hợp Quân dân y chăm sóc sức khoẻ nhân dân năm 2026	Mua hàng hóa (thuốc/vật tư y tế)	145.290.000 đồng	Nguồn ngân sách Nhà nước	Chào giá trực tuyến rút gọn		30 ngày	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	02 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng
	Tổng giá trị: 145.290.000đồng					***Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng.***						

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Cường

Phụ lục II

DANH MỤC MUA SẮM PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH QUÂN DÂN Y CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 3909/QĐ-BVCB ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới)

STT	Tên hàng hóa (thuốc/ vật tư y tế/ hóa chất)	Nồng độ, hàm lượng/ Tiêu chí kỹ thuật	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền
1	Chlorpheniramin + dextromethorphan	4mg + 30mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Viên	900	796	716.400
2	Albendazol	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Viên	300	3.238	971.400
3	Ambroxol	30mg/5ml, 100ml	Uống	Siro	Nhóm 2	Chai	60	41.800	2.508.000
4	Amlodipin	5mg	Uống	viên nang cứng	Nhóm 2	Viên	6.000	720	4.320.000
5	Amoxicilin	500mg	uống	viên nang cứng	Nhóm 2	viên	1.200	1.100	1.320.000
6	Acid clavulanic + Amoxicilin	31,25mg + 250mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Nhóm 2	gói	900	6.930	6.237.000
7	Acid clavulanic + Amoxicilin	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Viên	900	5.946	5.351.400
8	Berberin (hydroclorid)	100mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	viên	900	850	765.000
9	Betamethasone dipropionat; Clotrimazol; Gentamicin	0,064% (w/w); 1,0% (w/w); 0,1% (w/w) - Tuýp 10g	Bôi ngoài da	Kem bôi ngoài da	Nhóm 4	Tuýp	120	15.000	1.800.000
10	Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin B6; Vitamin PP; Kẽm sulfat; Lysin	26,7mg+26,7mg+26,7mg+ 24mg+40mg+1200mg	Uống	Siro	Nhóm 4	Lọ	300	45.000	13.500.000
11	Cao đặc rễ Đinh lăng); Cao khô lá Bạch quả	150mg; 5mg	Uống	Viên nén bao đường.	Nhóm 4	Viên	24.000	1.240	29.760.000
12	Cefuroxim	500 mg	Uống	Viên nén	Nhóm 4	viên	600	5.500	3.300.000
13	Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Viên	300	1.100	330.000
14	Clobetasol propionat	0,05%/10g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Nhóm 4	Tuýp	120	7.400	888.000

STT	Tên hàng hóa (thuốc/ vật tư y tế/ hóa chất)	Nồng độ, hàm lượng/ Tiêu chí kỹ thuật	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền
15	Clorpheniramin	4mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Viên	1.200	350	420.000
16	Desloratadin	0,05 % (kl/tt)	Uống	Siro	Nhóm 4	Chai	30	12.900	387.000
17	Dextromethorphan + Clorpheniramin maleat + Trisodium citrat dihydrat + Ammonium chlorid + Glyceryl Guaiacolat	(5mg + 1,33mg + 133mg + 50mg + 50mg)/5ml	Uống	Siro	Nhóm 4	Chai	60	23.000	1.380.000
18	Hydroxypropyl methylcellulose	0,3% (w/v) - Lọ 15ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Nhóm 4	Lọ	120	32.800	3.936.000
19	Kẽm gluconat	70mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Ống	900	4.500	4.050.000
20	Lactobacillus acidophilus	10^8 CFU	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Viên	3.000	1.442	4.326.000
21	Loratadin	10mg	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Viên	1.200	800	960.000
22	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén	Nhóm 2	Viên	900	729	656.100
23	Methylprednisolon	4mg	uống	viên nén	Nhóm 2	viên	900	470	423.000
24	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	800,4mg + 611,76mg + 80mg	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Gói	900	2.730	2.457.000
25	Mupirocin	100mg/ 5g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Nhóm 4	Chai/Lọ/Tuýp	60	32.900	1.974.000
26	Natri clorid	0,9%, 10ml	Nhỏ mắt , nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mắt, nhỏ mũi	Nhóm 4	Lọ	600	3.800	2.280.000
27	Omeprazol	20mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	viên	1.500	945	1.417.500
28	Paracetamol (acetaminophen)	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Nhóm 2	Gói	1.200	1.648	1.977.600
29	Paracetamol	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Viên	3.000	400	1.200.000

STT	Tên hàng hóa (thuốc/ vật tư y tế/ hóa chất)	Nồng độ, hàm lượng/ Tiêu chí kỹ thuật	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền
30	Povidon iod	10% 20ml [10% (w/v), 20ml]	Dùng ngoài	Dung dịch	Nhóm 4	Lọ	150	5.900	885.000
31	Camphor; Menthol ; Tinh dầu bạc hà ; Tinh dầu hương nhu; Tinh dầu quế ; Tinh dầu tràm	3g	Dùng ngoài	Cao xoa	Nhóm 4	Hộp	300	4.000	1.200.000
32	Tobramycin; Dexamethasone	0,3%; 0,1% (w/v) - Lọ 7ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhóm 4	Lọ	300	35.000	10.500.000
33	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Viên	30.000	995	29.850.000
34	Vitamin C	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Viên	3.000	350	1.050.000
35	Găng tay khám bệnh các cỡ	Găng tay bằng cao su, có bột	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Đôi	600	1.617	970.200
36	Khẩu trang y tế vô trùng 4 dây	Khẩu trang vô trùng, đạt tiêu chuẩn ISO	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Cái	600	769	461.400
37	Đè lưỡi gỗ	Đè lưỡi bằng gỗ, gói 1 cái, vo trùng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Cái	200	330	66.000
38	Nước sát khuẩn tay nhanh 500ml	Nước sát khuẩn tay nhanh 500ml	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Chai	10	50.400	504.000
39	Cồn 70°	Cồn 70° chai 500ml	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Chai	6	32.000	192.000
	Tổng: 39 danh mục								**145.290.000**

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT NAM - CUBA ĐỒNG HỚI

Nguyễn Đức Cường